

Số: 26/2013/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành, sửa đổi một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHOÁ XIV KỲ HỌP THỨ 8

(Từ ngày 02/12 đến ngày 06/12/2013)

CÔNG VĂN BẢN

TP UBND TP HÀ NỘI

Ngày đăng: 31.12

Số: 38537

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 6/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 127/2013/TT-BTC ngày 06/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 15/11/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc ban hành, sửa đổi một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (Có danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết. Tăng cường kiểm tra và có biện pháp quản lý, sử dụng nguồn thu phí để lại đảm bảo sử dụng đúng mục đích theo dự toán thu, chi; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Chỉ đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bãi trông giữ phương tiện công cộng theo quy hoạch, tiếp tục rà soát sắp xếp lại các điểm trông giữ phương tiện giao thông trên vỉa hè, lòng đường để đảm bảo diện tích giao thông, vỉa hè cho người đi bộ, nhất là các tuyến phố chính và các tuyến phố có nhiều người đi bộ. Kiên quyết xử lý, thu hồi giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân trông giữ phương tiện để xảy ra nhiều sai phạm kéo dài, kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép trông giữ phương tiện.

- Làm tốt công tác tuyên truyền về việc điều chỉnh mức thu phí vệ sinh và phí trông giữ xe đạp, xe máy, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong tổ chức thực hiện.

- Tiếp tục xây dựng đủ các loại phí, lệ phí theo quy định; rà soát, điều chỉnh những loại phí bất hợp lý (nhất là tỷ lệ trích nộp ngân sách và để lại cho các đơn vị đảm bảo công tác thu phí), những loại phí, lệ phí thay đổi do chính sách của các Bộ, ngành Trung ương, kịp thời trình HĐND Thành phố quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Thay thế Tiết c, Khoản 17 quy định mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy và khoản 21 quy định mức thu phí vệ sinh tại Mục I - Danh mục các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND Thành phố; Thay thế mục B.IV về Lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tại phụ lục kèm theo Nghị quyết số 10/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND Thành phố.

Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thành phố Hà Nội khóa XIV kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2013./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Tổng cục Thuế;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBND TP; UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- VPTU, VPĐBQH&HĐNDTP, VPUBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành TP liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố; Cổng Giao tiếp điện tử TP;
- Các Cơ quan thông tấn, báo chí;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Ngô Thị Doãn Thanh

DANH MỤC CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013
của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do căn cứ ban hành mức thu thay đổi theo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên.

1. Tên gọi: Lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2. Phạm vi áp dụng: Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mức thu:

TT	Nội dung thu	Mức thu (đồng)
	Cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số	
1	Ô tô (trừ ô tô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách áp dụng theo điểm 2 mục này)	500.000
2	Xe ô tô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trở xuống không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách	20.000.000
3	Sơ mi rơ móc đăng ký rời, rơ móc	200.000
4	Xe máy (theo giá tính lệ phí trước bạ)	
a	Trị giá từ 15.000.000 đồng trở xuống	500.000
b	Trị giá trên 15.000.000 đến 40.000.000 đồng	2.000.000
c	Trị giá trên 40.000.000 đồng	4.000.000

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Thông tư số 127/2013/TT-BTC ngày 06/9/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

II. Sửa đổi phí vệ sinh.

1. Tên gọi: Phí vệ sinh.

2. Phạm vi áp dụng: quy định mức thu phí vệ sinh đối với chất thải rắn sinh hoạt đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mức thu:

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Hộ gia đình, cá nhân cư trú tại phường	đồng/người/tháng	6.000
2	Hộ gia đình, cá nhân cư trú tại xã, thị trấn	đồng/người/tháng	3.000

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo quy định của nhà nước hiện hành.

III. Sửa đổi, bổ sung mức thu phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy.

1. Tên gọi: Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy.

2. Phạm vi áp dụng: Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Mức thu: Các mức thu quy định dưới đây đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có) và đã có thuế giá trị gia tăng.

- Một lượt xe: là một lần xe vào, ra tại điểm trông giữ xe;

- Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ 18 giờ đến 6 giờ ngày hôm sau.

3.1. Mức thu phí bên ngoài các toà nhà chung cư, trung tâm thương mại:

3.1.1. Tại địa bàn các quận và huyện Từ Liêm; tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá (không phân biệt theo địa bàn)

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
2. Phí trông giữ xe máy		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000

3.1.2. Tại các chợ, trường học, bệnh viện (không phân biệt theo địa bàn); tại địa bàn các huyện ngoại thành (trừ huyện Từ Liêm và trường hợp trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá) và thị xã Sơn Tây

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
2. Phí trông giữ xe máy		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	50.000

3.2. Mức thu phí bên trong các toà nhà chung cư, trung tâm thương mại:

3.2.1. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại được đầu tư tầng trông giữ xe hiện đại (Trang bị hệ thống giám sát: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hoá đơn tự động).

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
2. Phí trông giữ xe máy		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	10.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	100.000

3.2.2. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại khác:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
2. Phí trông giữ xe máy		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000

4. Các nội dung khác: thực hiện theo quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.
